

Bản án số: **45/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 05-9-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thanh Nguyên

2. Ông Hà Minh Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Điền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7
- An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang tham gia phiên
tòa:** Bà Lê Thị Thuỳ Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng
3 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/7/2025 và Quyết định hoãn
phiên toà số: 27/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị T**, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Phú Thượng 3, xã Chợ Mới, tỉnh An Giang

2. Bị đơn: Ông **Danh D**, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 3, xã An Biên, tỉnh An Giang

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm
1960 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã A, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện; biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết
nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:*

Bà và ông Danh D chung sống với nhau năm 2009 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do phát sinh từ kinh tế gia đình nên cãi nhau nhiều lần, có vài lần cãi nhau ông D có đánh bà bằng tay nên mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng nhiều không thể khắc phục được nên đã thật sự ly thân nhau từ tháng 11 năm 2013 đến nay. Từ khi ly thân đến nay vợ chồng không còn liên lạc qua lại với nhau.

Về con: Vợ chồng có 02 đứa con chung tên Danh Thị Thúy D1, sinh ngày 12/02/2011 và Danh Minh Đ, sinh ngày 22/10/2012. Từ khi ly thân đến nay Minh Đ do bà trực tiếp nuôi, còn Thúy D1 do ông D nuôi.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với ông Danh D.

- Về con: Yêu cầu trực tiếp nuôi Danh Minh Đ, sinh ngày 22/10/2012, giao Danh Thị Thúy D1, sinh ngày 12/02/2011 cho ông D trực tiếp nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn.

Hiện tại bà đang làm công nhân thu nhập trung bình mỗi tháng 6.000.000 đồng.

- Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn có ý kiến:* Ông đang chấp hành án tại trại giam B - Bộ C về tội “giết người”, bị xử phạt 18 năm tù giam, chấp hành án từ ngày 25/8/2023 đến nay. Giữa ông và bà T đã ly thân nhau từ năm 2015 đến nay, trước đây đã có lần bà T gửi đơn xin ly hôn với ông và được Toà án thụ lý, nhưng không rõ lý do gì không tiếp tục giải quyết.

Về con: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Danh Thị Thúy D1, sinh ngày 12/02/2011 hiện đang sống với mẹ ruột ông là bà Nguyễn Thị M và Danh Minh Đ, sinh ngày 22/10/2012 đang sống với bà T.

Về tài sản và nợ: Vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung gì đối với ai.

Nay theo yêu cầu của bà T, ông có ý kiến:

- Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với bà Võ Thị T.

- Về con: Đồng ý giao Danh Minh Đ, sinh ngày 22/10/2012 cho bà T trực tiếp nuôi; đồng ý trực tiếp nuôi Danh Thị Thúy D1, sinh ngày 12/02/2011, không ai cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn.

- Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến:* Bà là mẹ ruột của ông Danh D, hiện ông D đang chấp hành án tại trại giam B - Bộ C. Từ khi ông D đi chấp hành án đến nay cháu Danh Thị Thúy D1, sinh ngày 12/02/2011 do bà trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Nay bà đồng ý trực tiếp nuôi cháu D1, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi cháu D1 cùng bà sau khi bà T và ông D ly hôn.

**** Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn bà Võ Thị T có ý kiến: Vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Danh D; yêu cầu nuôi con Danh Minh Đ, sinh ngày 22/10/2012, giao Danh Thị Thúy D1, sinh ngày 12/02/2011 cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi, vì hiện tại ông Danh D đang chấp hành án tại trại giam và cháu D1 đang sống với bà M; về tài sản và nợ, không có nên không yêu cầu.

- Bị đơn ông Danh D vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M vắng mặt, nhưng đã có đơn xin vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa xét xử.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về quan hệ hôn nhân: Cho bà Võ Thị Thu ly H ông Danh D; về quan hệ nuôi con chung, giao Danh Minh Đ, sinh ngày 22/10/2012 cho bà T trực tiếp nuôi; tạm giao Danh Thị Thúy D1, sinh ngày 12/02/2011 cho bà M trực tiếp nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi Danh Minh Đ và Danh Thị Thúy D1 con sau khi bà T và ông D ly hôn; về quan hệ tài sản chung và về nợ chung, không có, không tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án phát sinh bà Nguyễn Thị M là mẹ ruột của ông Danh D, hiện ông Danh D đang chấp hành án tại trại giam nên con chung của bà Võ Thị T và ông Danh D do bà Nguyễn Thị M đang trực tiếp nuôi. Vì vậy Tòa án đưa bà Nguyễn Thị M tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo cho bị đơn biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” của nguyên đơn. Nhưng bị đơn không có ý kiến gì và cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau đó Tòa án nhận được đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải của nguyên đơn. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: “.....*Một trong các đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải*”.

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa để mở phiên tòa xét xử lần thứ hai đã được tổng đạt hợp lệ các đương sự, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng thời tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Võ Thị T không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Danh D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị T với ông Danh D tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông D là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T thấy rằng: Theo bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do việc làm ăn kinh tế của gia đình nên vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau và có lần ông D đánh bà bằng tay, mâu thuẫn càng nhiều không thể khắc phục được và thực tế vợ chồng đã ly thân nhau một thời gian dài. Tại phiên tòa hôm nay, bà T vẫn cương quyết ly hôn với ông D. Tuy bị đơn ông D không đồng ý nhưng vẫn thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nên trước đây có lần bà T đã gửi đơn xin ly hôn với ông và được Toà án thụ lý, nhưng chưa được giải quyết và thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2015 đến nay (bút lục số 16, 17, 18) là phù hợp với ý kiến trình bày của nguyên đơn bà T nêu ra.

Từ đó cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông D không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông D theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về quan hệ nuôi con chung: Theo bà T và ý kiến của ông D cùng thống nhất xác định, vợ chồng có 02 đứa con chung tên Danh Minh Đ, sinh ngày 22/10/2012 và Danh Thị Thúy D1, sinh ngày 12/02/2011.

Khi gửi đơn khởi kiện và được Toà án thụ lý thì bà T yêu cầu nuôi Danh Minh Đ, sinh ngày 22/10/2012; giao Danh Thị Thúy D1, sinh ngày 12/02/2011 ông D trực tiếp nuôi. Đồng thời bị đơn ông D cũng đồng ý theo ý kiến của nguyên đơn bà T nêu ra và hai cháu Danh Minh Đ, Danh Thị Thúy D1 cũng đã có ý kiến bằng văn bản phù hợp với ý kiến trình bày và yêu cầu của bà T, ông D.

Tuy nhiên, do bị đơn ông D hiện đang chấp hành án tại trại giam B - Bộ C với mức án 18 năm tù giam về tội “giết người” và chỉ mới chấp hành án từ ngày 25/8/2023 đến nay là hơn 02 năm nên không thể trực tiếp nuôi con Danh Thị Thúy D1, sinh ngày 12/02/2011 được. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Võ Thị T thay đổi ý kiến đồng ý giao Danh Thị Thúy D1, sinh ngày 12/02/2011 cho bà nội của cháu là bà Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi, vì hiện tại cháu D1 đang sống cùng bà M. Hơn nữa, bà Nguyễn Thị M cũng đã có ý kiến đồng ý trực tiếp nuôi cháu Danh Thị Thúy D1 và cháu D1 cũng đã có ý kiến thay đổi bằng văn bản được sống với bà M sau khi bà T và ông D ly hôn.

Vì vậy, cần giao cháu Danh Minh Đ, sinh ngày 22/10/2012 cho bà T trực tiếp nuôi; tạm giao Danh Thị Thúy D1, sinh ngày 12/02/2011 cho bà M trực tiếp nuôi là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Việc bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con cùng bà sau khi vợ chồng ly hôn là tự nguyện, đồng thời bà T có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên có đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung, do đó ông D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng bà T; bà M không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi cháu Danh Thị Thúy D1 cùng bà, do đó bà T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng bà M.

[3.3] Về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung: Theo bà T và ý kiến của ông D xác định, vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Võ Thị T có đơn yêu cầu xin ly hôn nên bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Võ Thị Thu ly H ông Danh D.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Danh Minh Đ, sinh ngày 22/10/2012 cho bà T trực tiếp nuôi (có đơn trình bày nguyện vọng của Danh Minh Đ); tạm giao Danh Thị Thúy D1, sinh ngày 12/02/2011 cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi (có đơn trình bày nguyện vọng của Danh Thị Thúy D1), không ai cấp dưỡng nuôi Danh Minh Đ, Danh Thị Thúy D1 sau khi bà T và ông D ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm

nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Không xem xét.

4 - Về án phí: Bà Võ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là **300.000 đồng**, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011934 ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 - An Giang); bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 05/9/2025); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKS KV7, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Phòng THADS KV7;
- UBND xã Chợ Mới;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh